

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 30/8/2019

*“Về việc tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Châu.

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-DS ngày 26/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-DS ngày 21/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1960. Địa chỉ: ấp 1, xã LT, huyện X, tỉnh Long An. *(có mặt)*

Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1972. Địa chỉ: ấp 1, xã LT, huyện X, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày: Bà Phạm Thị M có mượn bà Võ Thị Đ số tiền tổng cộng là 19.000.000đ. Nguồn gốc số tiền này là do bà Đ hót một phần hội giá 3.000.000đ do bà Phạm Thị M làm chủ hội, hội khai ngày đầu tiên ngày 30/4/2007 âm lịch, hội có tổng 25 phần, bà Đ chơi 01 phần, đến kỳ khai hội thứ 23 thì bà Đ hót được 22 phần hội chết số tiền 66.000.000đ. Sau đó giữa bà Đ và bà M thỏa thuận, bà Đ đóng lại hai kỳ hội chết là mỗi kỳ hội mỗi phần 3.700.000đ, hai kỳ số tiền là 7.400.000đ. Bà M trừ tiền huê hồng 600.000đ. Ngoài ra bà M xin thêm 03 phần hội chết tương ứng số tiền 9.000.000đ. Do đó thực tế số tiền bà Đ hót được là 49.000.000đ. Đến ngày 17/9/2014 âm lịch thì bà M tiến hành giao cho bà Đ 30.000.000đ, còn lại 19.000.000đ thì bà M còn thiếu lại. Giữa bà Đ và bà M thỏa thuận số tiền hội thiếu này bà Đ cho bà M mượn trong vòng 10

– 15 ngày nên bà M có viết giấy mượn ngày 17/9/2014. Tới tháng 8/2015 âm lịch thì bà Đ có cần trừ một phần hụi của hụi viên chơi chung nên giảm số nợ của bà M xuống 16.000.000đ. Do đó, nay bà Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị M trả lại số tiền 16.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị M trình bày: Bà Phạm Thị M làm chủ hụi giá 3.000.000đ, hụi khai ngày đầu tiên ngày 30/4/2007 âm lịch, hụi có tổng 25 phần, bà Đ chơi 01 phần, đến kỳ khai hụi thứ 23 thì bà Đ hốt được 22 phần hụi chết số tiền 66.000.000đ. Bà Đ đóng lại hai kỳ hụi chết mỗi phần giá 3.700.000đ (02 kỳ là 7.400.000đ). Bà M trừ tiền huê hồng 600.000đ. Bà M xin thêm 03 phần hụi chết tương ứng số tiền 9.000.000đ nên thực tế số tiền bà Đ hốt được là 49.000.000đ. Về giấy giao hụi ngày 17/9/2014 là do bà M tự tay viết và ký tên. Bà hỏi mượn lại 19.000.000đ là do nghĩ gom được các tay em khác nhưng thực tế bà M không gom được tay em do hụi bị bể. Do đó nay ý kiến của bà M là bà Đ đã đóng được trong dây hụi này là 19.027.000đ tiền vốn góp của 22 kỳ khai hụi thì bà M tính thêm tiền lãi cho bà Đ cộng gộp lại là 30.000.000đ. Số tiền này bà M đã giao cho bà Đ vào ngày 17/9/2014 nên bà M không đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền 16.000.000đ như bà Đ yêu cầu. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không tham gia phiên tòa cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Võ Thị Đ khởi kiện bà Phạm Thị M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà M cư trú tại ấp 1, xã LT, huyện X, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền vốn vay của bà Đ thấy rằng:* Bà Đ khởi kiện bà M số tiền 16.000.000đ và cung cấp giấy mượn tiền ghi ngày 17/9/2014 và 01 giấy thiếu tiền hụi không ghi ngày.

Bà Đ và bà M thống nhất bà Đ có tham gia 01 dây hụi giá 3.000.000đ do bà Phạm Thị M làm chủ hụi, hụi khai ngày đầu tiên ngày 30/4/2007 âm lịch, hụi có tổng 25 phần, bà Đ chơi 01 phần, đến kỳ khai hụi thứ 23 thì bà Đ hốt được 22 phần hụi chết tương ứng số tiền 66.000.000đ. Sau đó giữa bà Đ và bà M thỏa thuận, bà Đ đóng lại hai kỳ hụi chết là mãn hụi mỗi phần 3.700.000đ, hai kỳ số tiền là 7.400.000đ. Bà M trừ tiền huê hồng 600.000đ. Ngoài ra, bà M xin thêm 03 phần hụi chết tương ứng số tiền 9.000.000đ. Sau khi cần trừ thực tế số tiền hụi bà M phải giao cho bà Đ là 49.000.000đ. Đến ngày 17/9/2014 âm lịch thì bà M tiến hành giao cho bà Đ 30.000.000đ, còn lại

19.000.000đ thì bà M hỏi mượn lại, không thỏa thuận ngày trả cụ thể. Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu bà M trả 16.000.000đ tiền mượn. Bà M không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết bà thừa nhận giấy mượn tiền và nợ tiền hui mà bà Đ cung cấp do bà là người trực tiếp viết và ký tên. Đồng thời bà còn thừa nhận có việc thỏa thuận mượn số tiền 19.000.000đ nhưng do bà không gom được tiền hui của các hui viên khác nên bà không đồng ý trả cho bà Đ mà yêu cầu tính tiền vốn góp của 22 kỳ hui mà bà Đ đóng cho bà và bà tính tiền lãi thành 30.000.000đ bà đã giao cho bà Đ xong. Lời trình bày của bà M không có cơ sở chấp nhận do giữa bà M và bà Đ đã thống nhất số tiền hui mà bà M phải giao cho bà Đ là 49.000.000đ. Bà M đã giao 30.000.000đ và số tiền 19.000.000đ còn lại các bên đã thống nhất thỏa thuận thành tiền mượn. Mặc dù bà Đ không chứng minh được mượn tiền có hạn trả nhưng bà Đ đã thông báo thời gian hợp lý cho bà M biết việc trả tiền nhưng bà M không trả là vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu của bà Đ là có cơ sở và được chấp nhận. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Đ chỉ yêu cầu bà M trả 16.000.000đ do bà M đã trả 3.000.000đ là có lợi cho bị đơn. Buộc bà M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ 16.000.000đ.

[3] *Về tiền lãi*: Bà Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà M phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 217, 219, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ đối với bà Phạm Thị M về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị Đ số tiền 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, bà M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M chịu 800.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Đ 400.000đ tạm ứng án phí bà Đ nộp theo biên lai thu số 0004513 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương